

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2020/HS-ST.

Ngày: 29-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 196/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 204/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 2000 tại Kiên Giang.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp K2, xã TT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Nơi sinh sống: Ấp 2, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn N, sinh năm 1977 (Đã chết), bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1979; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Chưa có vợ, con.

Tiền án: Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 17/01/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ cho gia đình bảo lãnh. Tại ngoại (có mặt).

2. Bùi Thành L, sinh năm 1994 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp SC, xã BA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Nơi sinh sống: Ấp 2, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thành D, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1972; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 17/01/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ cho gia đình bảo lãnh. Tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Đức H, sinh năm 2000 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp TH, xã HN 3, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Nơi sinh sống: Ấp 2, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Vũ Tú T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thy P, sinh năm 1977; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2020 đến ngày 17/01/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ cho gia đình bảo lãnh. Tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Phương Th, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp K2, xã TT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là nhân viên của Công ty TPĐ (gọi tắt là: Công ty), địa chỉ: Ấp 2, xã LA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai từ tháng 12/2019 (nhân viên khởi nghiệp). Trong quá trình làm việc, theo quy định của Công ty để được hưởng quyền lợi và trở thành “Doanh nhân đồng” thì T phải mua 11 sản phẩm của Công ty trị giá 86.700.000 đồng. Để có tiền mua sản phẩm T gọi điện thoại về xin tiền mẹ ruột là bà Nguyễn Phương Th nhưng bà Th không cho. Đến ngày 06/01/2019 tại Công ty Thuận Phát Đạt, T gặp Bùi Thành L và Nguyễn Đức H, nhờ L ký vào bên chủ nợ, H ký là người làm chứng trên tờ giấy nợ. Do nể nang và muốn T có tiền nên L và H đồng ý. Tiếp đó, T gọi điện thoại về cho bà Th nói mượn tiền “giang hồ” 100.000.000 đồng nhưng bà Th không tin và không đưa tiền nên T tiếp tục nhờ L và H gọi điện thoại về cho bà Th. Trong quá trình gọi điện thoại, L và H giả vờ nói đang giữ T và đe dọa bà Th nếu không mang tiền lên trả thì sẽ cắt tay, cắt chân của T, đồng thời đưa điện thoại để T nói với bà Th “mẹ ơi, cứu con”. Do gọi điện thoại cho T không được và lo sợ T bị bắt cóc, đánh đập nên bà Th đồng ý trả nợ cho T theo yêu cầu. L và H hẹn gặp bà Th tại quán cà phê “Thời gian” thuộc khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ngày 11/01/2020, bà Th cùng với ông Nguyễn Văn Đà là họ hàng của bà Th đến quán cà phê “Thời Gian” thì gặp T, L và Lê Quang T. Khoảng 05 phút sau, H gọi điện thoại cho L đến, bà Th nói chỉ mượn được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại bà Th sẽ giao sau thì L đồng ý và yêu cầu đến ngày 24/01/2020 bà Th phải trả đủ số tiền còn lại. Kêu T viết lại giấy nợ khác với số tiền 60.000.000 đồng; trong đó có 10.000.000 đồng tiền lãi. Khi L đang cầm tiền bà Th giao cho thì bị Công an thị trấn Long Thành phối hợp với Công an huyện Long Thành bắt giữ quả tang.

Vật chứng thu giữ, đồ vật, tài liệu:

- Số tiền 50.000.000 đồng bà Th giao cho Bùi Thành L.

- 01 giấy vay tiền ghi số tiền 60.000.000 đồng ngày 11/01/2020.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc của Bùi Thành L, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen của Nguyễn Đức H, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng nhạt của Lê Quang T.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 60C2-553.64; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển 60B5-672.16; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60G1-121.63.

Tại Cáo trạng số 211/CT-VKSLT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức H và Bùi Thành L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức H và Bùi Thành L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo T, H, L, đề nghị xử phạt các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

2. Nguyễn Đức H 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

3. Bùi Thành L 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc của Bùi Thành L, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen của Nguyễn Đức H sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bà Th vào ngày 11/01/2020.

Đối với 01 giấy vay tiền ghi số tiền 60.000.000 đồng ngày 11/01/2020 được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu vàng nhạt của Lê Quang T không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho Trường vào ngày 04/7/2020.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 60C2-553.64 do chị Nguyễn Thị Thu là chủ sở hữu, chị Thu cho Nguyễn Đức H mượn nhưng không biết H sử dụng liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại chị Thu ngày 22/01/2020.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển 60B5-672.16 do chị Trần Thị Loan là chủ sở hữu, chị Loan cho Trường mượn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho chị Loan vào ngày 08/02/2020.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60G1-121.63 là tài sản của ông Bùi Thành Dương là cha của bị cáo L, ông Dương không biết bị cáo L sử dụng liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho ông Dương vào ngày 20/02/2020.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Thành L và Nguyễn Đức H không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Thành L và Nguyễn Đức H cùng làm chung Công ty Thuận Phát Đạt, bị cáo T muốn có tiền mua sản phẩm của Công ty Thuận Phát Đạt để thăng hạng nên bị cáo T gọi điện thoại xin tiền mẹ là bà Nguyễn Phương Th nhưng bà Th không cho nên bị cáo T nhờ bị cáo L ký vào giấy vay tiền 100.000.000 đồng với vai trò là chủ nợ, bị cáo H ký vào giấy vay tiền với vai trò là người làm chứng. Do bị cáo H và bị cáo L muốn giúp bị cáo T trở thành “Doanh nhân đồng” nên bị cáo H và bị cáo L đồng ý giúp bị cáo T ký tên vào giấy vay tiền. Sau đó, bị cáo T gọi điện thoại nói cho bà Th nói là bị cáo đang nợ tiền 100.000.000 đồng nhưng bà Th không tin nên bị cáo T tiếp tục nhờ bị cáo H, bị cáo L gọi điện thoại cho mẹ bị cáo T. Khi gọi điện thoại cho bà Th, bị cáo L và bị cáo H giả vờ nói đang giữ bị cáo T và đe dọa bà Th nếu không trả tiền thì sẽ cắt tay, cắt chân của bị cáo T. Bà Th gọi điện thoại cho bị cáo T không được do bị cáo T không nghe máy nên bà Th sợ bị cáo T bị bắt cóc, đánh đập nên bà Th đồng ý trả nợ trước 50.000.000 đồng. Đến ngày 11/01/2020, khi bị cáo L nhận số tiền 50.000.000 đồng của bà Th tại quán cà phê “Thời Gian” thuộc khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành thì bị lực lượng Công an bắt quả tang cùng vật chứng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Thành L và Nguyễn Đức H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa

đổi, bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội tại địa phương.

[4] Trong vụ án này, bị cáo T là người đề xuất nhờ bị cáo L và bị cáo H gọi điện thoại để lừa mẹ ruột bị cáo T là bà Nguyễn Phương Th để bị cáo T lấy số tiền 100.000.000 đồng để mua hàng của Công ty để trở thành “Doanh nhân đồng”; bị cáo L và bị cáo H muốn giúp bị cáo T gọi điện thoại uy hiếp tinh thần của bị hại bà Th nhằm lấy số tiền 100.000.000 đồng cho bị cáo T chứ bị cáo L và bị cáo H không hưởng lợi gì đối với số tiền 100.000.000 đồng của bị hại bà Th cho nên mức án của các bị cáo nhận lãnh được xem xét, cân nhắc tương xứng với từng mức độ hành vi của các bị cáo gây ra.

[7] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có nhân thân tốt; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là những tình tiết được quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Riêng bị cáo L và bị cáo H cần phải áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử bị cáo L và bị cáo H dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Ngoài ra, trong thời gian các bị cáo T, H, L tại ngoại không vi phạm pháp luật. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo T, H, L ra ngoài xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo T, H và L được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo, đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc của bị cáo Bùi Thành L và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen của bị cáo Nguyễn Đức H.

[10] Đối với số tiền 50.000.000 đồng của bà Nguyễn Phương Th bị các bị cáo chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bà Th vào ngày 11/01/2020 là có căn cứ.

Đối với 01 giấy vay tiền ghi số tiền 60.000.000 đồng ngày 11/01/2020 được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu vàng nhạt của Lê Quang T không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho Trường vào ngày 04/7/2020 là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode biển số 60C2-553.64 do chị Nguyễn Thị Thu là chủ sở hữu, chị Thu cho Nguyễn Đức H mượn nhưng không biết H sử dụng liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại chị Thu ngày 22/01/2020 là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển 60B5-672.16 do chị Trần Thị Loan là chủ sở hữu, chị Loan cho Trường mượn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho chị Loan vào ngày 08/02/2020 là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 60G1-121.63 là tài sản của ông Bùi Thành D là cha của bị cáo L, ông D không biết bị cáo L sử dụng liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho ông Dương vào ngày 20/02/2020 là có căn cứ.

Đối với anh Lê Quang T không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Long Thành không xử lý.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Thành L và Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.,.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Thành L và Nguyễn Đức H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án 29/9/2020.

1.2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án 29/9/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án 29/9/2020.

1.3. Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã TT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Thành L cho Ủy ban nhân dân xã BA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho Ủy ban nhân dân xã HN 3, huyện TB, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

1.4. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

1.5. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu bạc của bị cáo Bùi Thành L và 01 điện thoại di động Iphone màu đen của bị cáo Nguyễn Đức H (biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức H, Bùi Thành L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Hưng